

Số: 3579/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc buộc thôi học đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo chưa hoàn thành chương trình đào tạo, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học tại Điều 20 Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ kết luận của Hiệu trưởng tại cuộc họp xét buộc thôi học đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo, năm học 2024 - 2025 tại phiên họp ngày 21/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Buộc thôi học 194 sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo, năm học 2024 - 2025 (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Công tác chính trị - Sinh viên và các Khoa có trách nhiệm thông báo cho gia đình sinh viên buộc thôi học theo quy định.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo đại học, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Công tác chính trị - Sinh viên, Thanh tra, các Trưởng khoa và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTDH.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025

(Đối với sinh viên chính quy quá hạn nhưng chưa hoàn thành chương trình đào tạo)

(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-ĐHQN ngày 22/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Tên Khoa	Buộc thôi học	Được gia hạn do Thiếu CC, CĐR	Tổng
1	Khoa Công nghệ thông tin	19	2	21
2	Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non	5	5	10
3	Khoa Giáo dục thể chất	4	1	5
4	Khoa Kinh tế và Kế toán	30	7	37
5	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	28	1	29
6	Khoa Khoa học Tự nhiên	22	12	34
7	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	16	21	37
8	Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước	9	7	16
9	Khoa Ngoại ngữ	4	40	44
10	Khoa Sư phạm	20	17	37
11	Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	37	11	48
	Tổng	194	124	318

G

Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Khoa học Tự nhiên

(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ **9** /QĐ-ĐHQN ngày **22** tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3852050026	Phan Nguyễn Khánh Duy	20/02/1996	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, GDTC, CĐR
2	3852050034	Đặng Chí Đức	05/7/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, GDTC, CĐR
3	3852050054	Võ Thị Thu Hiền	06/9/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC
4	3852050108	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27/5/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38A	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, CĐR
5	3852050110	Nguyễn Ngọc Nghĩa	12/6/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, CĐR
6	3852050139	Trần Huỳnh Sơn	16/02/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38A	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC
7	3852050143	Nguyễn Minh Tài	24/3/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, CĐR
8	3852050169	Trần Quốc Thành	12/01/1995	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38A	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, GDTC, CĐR
9	3852050195	Hà Chế Yên Trang	01/10/1997	Công nghệ kỹ thuật hoá học K38B	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC
10	3952030024	Võ Thị Ngọc Trâm	10/10/1998	Quản lý đất đai K39	Quản lý đất đai	TC
11	3952030046	Nguyễn Quang Huy	11/11/1997	Quản lý đất đai K39	Quản lý đất đai	TC, GDTC, GDQP, CĐR
12	3952060017	Trần Nhật Khánh	01/01/1996	Quản lý tài nguyên và môi trường K39	Quản lý tài nguyên và môi trường	TC, CĐR
13	405L060006	Đinh Phạm Quỳnh Anh	26/01/1984	Công nghệ kỹ thuật hoá học (CĐ-ĐH) K40	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
14	415L060001	Võ Quốc Toàn	08/05/1991	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CĐ-ĐH)	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	TC, CĐR
15	415L100002	Trần Thị Thương Thương	16/04/1993	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR
16	415L100005	Phạm Thị Mỹ Duyên	12/12/1991	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR
17	415L100009	Phạm Trọng Tuyển	15/02/1996	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR
18	415L100015	Phạm Việt Vũ	23/06/1997	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR
19	415L100017	Trần Thị Thanh Thuý	15/03/1997	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR
20	415L100020	Nguyễn Thanh Diễm	26/08/1996	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CĐR

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
21	415L100023	Lê Văn Nuôi	19/09/1988	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CDR
22	415L100024	Nguyễn Văn Quang Nhật	24/06/1989	Quản lý đất đai (CĐ-ĐH) K41	Quản lý đất đai	TC, CDR

Danh sách có 22 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CDR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

P. TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải
phan thanh hải²

TS. Lê Xuân Vinh

Đinh Anh Tuấn
TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
(Kèm theo Quyết định số **3579** /QĐ-ĐHQN ngày **22** tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3656080057	Nguyễn Văn Quý	29/9/1993	Công tác xã hội-K36	Công tác xã hội	Nghỉ học tạm thời: Nhập ngũ.
2	3756060019	Nguyễn Thị Thuý Hằng	29/04/1996	Văn học-K37	Văn học	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
3	3756090002	Phạm Hữu Chí	06/12/1996	Việt Nam học-K37	Việt Nam học	Nghỉ học tạm thời: Nhập ngũ.
4	3756110063	Nguyễn Ngọc Thạch	10/5/1996	Quản lý giáo dục-K37	Quản lý giáo dục	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
5	3856060017	Huỳnh Thị Kim Duyên	26/9/1997	Văn học K38B	Văn học	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
6	3856060035	Bùi Thị Mỹ Hiếu	20/7/1997	Văn học K38B	Văn học	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
7	3856060118	Nguyễn Thị Tý	17/7/1996	Văn học K38B	Văn học	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
8	3856070040	Bùi Thị Thanh Thảo	06/6/1997	Lịch sử K38	Lịch sử	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
9	3956050012	Huỳnh Phước Lộc	25/08/1998	Tâm lý học giáo dục K39	Tâm lý học giáo dục	TC, GDTC, CĐR
10	3956060002	Lê Nguyễn Quỳnh Như	09/06/1998	Văn học K39A	Văn học	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
11	3956060019	Nguyễn Văn Thạch	11/11/1998	Văn học K39A	Văn học	TC
12	3956080005	Huỳnh Thị Thu Hà	04/09/1998	Công tác xã hội K39	Công tác xã hội	TC, CĐR
13	3956080034	Đinh Thị Nhường	04/03/1998	Công tác xã hội K39	Công tác xã hội	TC
14	3956080037	Y Tuyên	22/02/1997	Công tác xã hội K39	Công tác xã hội	TC, CĐR
15	3956090058	Đỗ Thị Nhật Linh	31/01/1998	Việt Nam học K39	Việt Nam học	TC
16	3956110016	Tô Thị Cẩm Duyên	18/07/1998	Quản lý giáo dục K39	Quản lý giáo dục	TC

Danh sách có 16 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GIÁO DỤC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUY NHƠN

TS. Lê Xuân Vinh

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Kỹ thuật và Công nghệ

(Kèm theo Quyết định số 3579 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

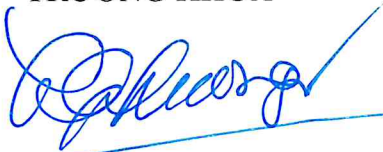
TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3851070007	Phạm Minh Bửu	22/6/1995	Kỹ thuật điện, điện tử K38A	Kỹ thuật điện, điện tử	TC
2	3851070093	Hồ Chí Linh	23/02/1997	Kỹ thuật điện, điện tử K38C	Kỹ thuật điện, điện tử	TC
3	3851070097	Phạm Văn Long	15/01/1997	Kỹ thuật điện, điện tử K38B	Kỹ thuật điện, điện tử	TC, CĐR
4	3851070133	Nguyễn Quân	19/10/1997	Kỹ thuật điện, điện tử K38C	Kỹ thuật điện, điện tử	TC, CĐR
5	3851070168	Huỳnh Hoài Tuấn	20/10/1997	Kỹ thuật điện, điện tử K38B	Kỹ thuật điện, điện tử	TC, CĐR
6	3851070209	Diệp Văn Trù	03/9/1997	Kỹ thuật điện, điện tử K38C	Kỹ thuật điện, điện tử	TC, GDTC, CĐR
7	3851080044	A Rất Hoàn	06/10/1996	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38B	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
8	3851080058	Nguyễn Ngọc Khang	20/10/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38B	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, GDTC, CĐR
9	3851080076	Phan Đại Nghĩa	09/4/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
10	3851080086	Nguyễn Ngọc Phát	19/9/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
11	3851080090	Nguyễn Ngọc Phúc	19/6/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
12	3851080095	Nguyễn Hồng Quân	11/9/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
13	3851080117	Nguyễn Văn Toàn	01/01/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
14	3851080123	Trần Nguyên Thế	04/11/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38A	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
15	3851080135	Ngô Việt Trung	20/3/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38B	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC
16	3851080142	Trần Quang Vũ	17/11/1997	Kỹ thuật điện tử, truyền thông K38B	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐR
17	3851120014	Nguyễn Tài Bình	24/3/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38A	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR
18	3851120015	Phạm Minh Bình	23/10/1996	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38A	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR
19	3851120020	Lê Công Chương	20/10/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38A	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR
20	3851120022	Lê Bảo Duy	09/6/1996	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38B	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR
21	3851120036	Phan Hữu Giang	20/8/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38B	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR
22	3851120043	Nguyễn Lê Hoài	05/11/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38A	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐR

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
23	3851120090	Trần Quang	01/7/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38B	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CDR
24	3851120103	Đoàn Thanh Toàn	12/01/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38A	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CDR
25	3851120131	Nguyễn Thanh Văn	15/11/1997	Công nghệ kỹ thuật xây dựng K38B	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CDR
26	415L070001	Nguyễn Bá Luật	20/03/1985	Kỹ thuật điện, điện tử (CĐ-ĐH) K41	Kỹ thuật điện, điện tử	TC, CDR
27	415L090001	Nguyễn Chí Cường	15/03/1993	Công nghệ kỹ thuật xây dựng (CĐ-ĐH) K41	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CDR
28	415L090003	Huỳnh Trung Ân	08/10/1992	Công nghệ kỹ thuật xây dựng (CĐ-ĐH) K41	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CDR

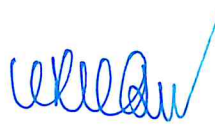
Danh sách có 28 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CDR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Bá Phước

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC


 TS. Lê Xuân Vinh



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


 TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Giáo dục thể chất

(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3959020001	Huỳnh Thương	19/03/1998	Giáo dục Thể chất K39	Giáo dục Thể chất	TC, CĐR
2	3959020029	Nguyễn Minh Tiến	10/11/1998	Giáo dục Thể chất K39	Giáo dục Thể chất	TC, CĐR
3	3959020033	Huỳnh Thị Mỹ Loan	09/06/1998	Giáo dục Thể chất K39	Giáo dục Thể chất	TC, CĐR
4	3959020035	Trương Văn Lượng	28/05/1998	Giáo dục Thể chất K39	Giáo dục Thể chất	TC, CĐR

Danh sách có 4 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỞNG KHOA


TS. Nguyễn Sỹ Đức

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC


TS. Lê Xuân Vinh


KẾ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)

Khoa Ngoại ngữ

(Kèm theo Quyết định số **3579** /QĐ-ĐHQN ngày **22** tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3757510034	Đặng Thị Thu Đông	26/8/1994	Ngôn ngữ Anh-K37A	Ngôn ngữ Anh	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
2	3757510128	Lê Huỳnh Ý Nhi	11/9/1996	Ngôn ngữ Anh-K37F	Ngôn ngữ Anh	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
3	3857510024	Hà Thanh Thuý Dung	26/7/1997	Ngôn ngữ Anh K38B	Ngôn ngữ Anh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
4	3957510034	Nguyễn Trương Minh Thuý	21/10/1998	Ngôn ngữ Anh K39A	Ngôn ngữ Anh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.

Danh sách có 4 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CDR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

K. TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC


Trần Mĩ Cường



TS. Lê Xuân Vinh


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3754010039	Đinh Thị Đạt	01/04/1996	QTKD-K37D	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
2	3754010242	Nguyễn Anh Thu	07/01/1996	QTKD-K37D	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
3	3754010289	Nguyễn Trần Thị Thanh Tra	17/10/1996	QTKD-K37D	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
4	3754010308	Phạm Phương Tú	15/05/1996	QTKD-K37B	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
5	3754050066	Văn Thị Tổ Phương	15/10/1995	TCNH-K37A	Tài chính - Ngân hàng	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
6	3854010053	Thái Thị Mỹ Duyên	04/02/1997	Quản trị kinh doanh K38E	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
7	3954010021	Nguyễn Thị Hạnh	20/10/1998	Quản trị kinh doanh K39A	Quản trị kinh doanh	TC
8	3954010027	Nguyễn Thị Hoa	09/02/1998	Quản trị kinh doanh K39A	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
9	3954010046	Trịnh Hoàng Quốc	20/04/1998	Quản trị kinh doanh K39A	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
10	3954010053	Võ Thị Hồng Thắm	10/06/1998	Quản trị kinh doanh K39A	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
11	3954010057	Nguyễn Tình Vy	01/05/1998	Quản trị kinh doanh K39A	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
12	3954010093	Hồ Văn Trung	05/09/1998	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	TC, GDTC, CĐR
13	3954010103	Bùi Quang Ý	01/09/1998	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
14	3954010113	Nguyễn Tấn Huy	26/05/1997	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	TC, GDTC, GDQP, CĐR
15	3954010134	Đặng Quí Vũ	04/04/1998	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	TC
16	3954010137	Nguyễn Thị Minh Thu	08/03/1998	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
17	3954010146	Nguyễn Thị Trúc My	29/07/1998	Quản trị kinh doanh K39B	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
18	3954010171	Phạm Nhật Vy	29/11/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
19	3954010179	Nguyễn Thị Phương Thuý	22/10/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
20	3954010183	Nguyễn Hữu Dũng	25/12/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
21	3954010200	Lương Văn Đồng	29/07/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
22	3954010221	Lê Thị Nhi	12/04/1997	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
23	3954010232	Hồ Thị Ngọc Diễm	20/10/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, GDTC, CĐR
24	3954010235	Trần Công Nguyên	25/08/1998	Quản trị kinh doanh K39C	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
25	3954050010	Hồ Thị Trúc Linh	16/10/1998	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
26	3954050021	Đinh Thị Tố Yên	21/12/1998	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC
27	3954050024	Nguyễn Yến Linh	08/04/1998	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
28	3954050036	Kpã Hồ Phơi	11/07/1998	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
29	3954050054	Vũ Nguyễn Thiên Anh	10/07/1998	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC
30	3954059001	Nguyễn Thiện Lộc	20/04/1995	Tài chính - Ngân hàng K39A	Tài chính - Ngân hàng	TC
31	415L010001	Trần Thị Hồng Ngọc	06/01/1994	Tài chính - Ngân hàng (CĐ-ĐH) K41	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
32	415L010002	Chu Văn Anh	15/08/1983	Tài chính - Ngân hàng (CĐ-ĐH) K41	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
33	415L010003	Huỳnh Chính	06/03/1989	Tài chính - Ngân hàng (CĐ-ĐH) K41	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
34	415L010004	Bùi Lê Lộc	03/07/1993	Tài chính - Ngân hàng (CĐ-ĐH) K41	Tài chính - Ngân hàng	TC, CĐR
35	415L040001	Tạ Lê Dương	12/09/1997	Quản trị kinh doanh (CĐ-ĐH) K41	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
36	415L040005	Nguyễn Đình Tuấn	26/06/1990	Quản trị kinh doanh (CĐ-ĐH) K41	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR
37	415L040006	Đoàn Thị Mỹ Liên	09/03/1997	Quản trị kinh doanh (CĐ-ĐH) K41	Quản trị kinh doanh	TC, CĐR

Danh sách có 37 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỜNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC




TS. Lê Xuân Vinh



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Đinh Anh Tuấn

Phan Thị Hồng D5

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Sư phạm

(Kèm theo Quyết định số 3579 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3556030031	Đặng Bá Lực	16/10/1994	SP Địa lý-K35	Sư phạm Địa lý	Nghỉ học tạm thời: Nhập ngũ.
2	3751020019	Đoàn Thị Mỹ Huệ	20/12/1996	SP Vật lý-K37	Sư phạm Vật Lý	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
3	3752010042	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/01/1996	SP Hóa học-K37	Sư phạm Hóa học	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
4	3756030063	Nguyễn Trần Phương Thuy	08/02/1996	SP Địa lý-K37	Sư phạm Địa lý	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
5	3951010012	Đinh Tấn Linh	18/08/1996	Sư phạm Toán học K39	Sư phạm Toán học	TC, CĐR
6	3951010049	Trần Thị Tuyết An	10/01/1997	Sư phạm Toán học K39	Sư phạm Toán học	TC, CĐR
7	3951010055	Vũ Thị Hồng Lan	06/08/1997	Sư phạm Toán học K39	Sư phạm Toán học	TC
8	3951020014	Lê Duy Khiêm	14/06/1998	Sư phạm Vật lý K39	Sư phạm Vật Lý	TC, CĐR
9	3951130001	Nguyễn Thị Thanh Nhân	11/04/1998	Sư phạm Tin học K39	Sư phạm Tin học	TC
10	3951130027	Phan Bảo Duy	16/01/1997	Sư phạm Tin học K39	Sư phạm Tin học	TC, GDTC, GDQP, CĐR
11	3952010019	Phan Ngọc Phi	12/04/1998	Sư phạm Hóa học K39	Sư phạm Hóa học	TC
12	3953010011	Nguyễn Thành Công	07/09/1998	Sư phạm sinh học K39	Sư phạm Sinh học	TC, GDTC
13	3956020004	Võ Văn Tân	08/01/1998	Sư phạm Lịch sử K39	Sư phạm Lịch sử	TC, CĐR
14	3956020006	Nguyễn Xuân Thuận	15/05/1996	Sư phạm Lịch sử K39	Sư phạm Lịch sử	TC
15	3956020026	Cù Hoa Diệu Linh	07/12/1998	Sư phạm Lịch sử K39	Sư phạm Lịch sử	TC
16	3956020032	Nguyễn Thị Yến Trinh	24/08/1997	Sư phạm Lịch sử K39	Sư phạm Lịch sử	TC
17	3956030020	Y - Bích	20/08/1998	Sư Phạm Địa lý K39	Sư phạm Địa lý	TC, CĐR
18	3956030029	Y Hạ	18/06/1998	Sư Phạm Địa lý K39	Sư phạm Địa lý	TC

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
19	3956040011	Trương Thị Diễm Hương	01/12/1997	Giáo dục chính trị K39	Giáo dục chính trị	TC, CĐR
20	3957010107	Trần Tấn Hậu	05/05/1997	Sư phạm Tiếng Anh K39C	Sư phạm Tiếng Anh	Vi hoàn cảnh. TC, CĐR

Danh sách có 20 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Lê Tuấn

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TS. Lê Xuân Vinh



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Kinh tế và Kế toán

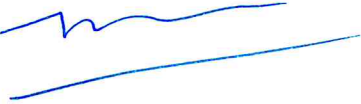
(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3754030090	Cao Thị Mến	01/01/1996	Kinh tế-K37A	Kinh tế	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
2	3754030164	Võ Ngọc Trân Trân	04/10/1996	Kinh tế-K37B	Kinh tế	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
3	3754040145	Nguyễn Thị Luận	26/6/1996	Kế toán-K37A	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
4	3854030052	Nguyễn Thuý Hiền	10/12/1997	Kinh tế K38B	Kinh tế	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
5	3854030102	Nguyễn Thị Thu Nhanh	30/3/1997	Kinh tế K38B	Kinh tế	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
6	3854040158	Nguyễn Thị Hoài Mạnh	25/12/1997	Kế toán K38E	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
7	3854040249	Đàm Thị Tuyết	24/7/1997	Kế toán K38B	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
8	3854040332	Trần Thị Cẩm Vân	02/5/1997	Kế toán K38B	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
9	3954030012	Vũ Đình Thi	03/03/1996	Kinh tế K39A	Kinh tế	TC, GDTC, GDQP, CĐR
10	3954030039	Hoàng Minh Thu	27/09/1998	Kinh tế K39A	Kinh tế	TC
11	3954030043	Nguyễn Tấn Phát	15/10/1997	Kinh tế K39A	Kinh tế	TC, GDTC, CĐR
12	3954030059	Tôn Nữ Thuần Anh	01/11/1997	Kinh tế K39A	Kinh tế	TC, GDTC
13	3954040096	Phạm Thị Thu Huyền	30/06/1998	Kế toán K39D	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
14	3954040174	Võ Thị Ánh Hồng Thuý	01/08/1998	Kế toán K39C	Kế toán	ĐTB < 2.0
15	3954040177	Châu Thị Khánh Ly	15/08/1998	Kế toán K39C	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
16	3954040182	Đỗ Thị Tường Vi	17/04/1998	Kế toán K39B	Kế toán	TC
17	3954040214	Thái Thị Thu Hậu	02/10/1998	Kế toán K39B	Kế toán	TC, CĐR
18	3954040266	Nguyễn Thị Ngân	18/08/1998	Kế toán K39A	Kế toán	TC
19	3954040273	Nguyễn Thị Hậu	10/04/1998	Kế toán K39D	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
20	405L020001	Nguyễn Thị Thúy Diễm	03/02/1991	Kế toán (CĐ-ĐH) K40	Kế toán	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
21	405L020026	Lê Thành Đạt	25/04/1991	Kế toán (CĐ-ĐH) K40	Kế toán	
22	415L020001	Nguyễn Đình Thuận	12/08/1984	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
23	415L020002	Lê Thị Thanh Hiền	10/01/1991	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
24	415L020004	Phạm Thị Ngọc Hân	30/05/1995	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
25	415L020005	Phan Thành Nghĩa	11/10/1980	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
26	415L020006	Phạm Thị Mỹ Yên	19/11/1992	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
27	415L020008	Đặng Ngọc Ảnh	20/10/1988	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
28	415L020009	Nguyễn Thị Thương	18/12/1993	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
29	415L020010	Nguyễn Hoàng Huy	26/04/1991	Kế toán (CĐ-ĐH) K41	Kế toán	TC, CĐR
30	415L030001	Trần Khải Hưng	18/11/1992	Kinh tế (CĐ-ĐH) K41	Kinh tế	TC, CĐR

Danh sách có 30 sinh viên./

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

TRƯỜNG KHOA 

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TS. Lê Xuân Vinh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Công nghệ thông tin

(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3851050119	Trần Thị Thu Phương	17/12/1997	Công nghệ thông tin K38C	Công nghệ thông tin	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
2	3951050012	Nguyễn Quốc Trường	12/02/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
3	3951050028	Phạm Công Thịnh	14/07/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC
4	3951050043	Lê Phúc Lợi	13/05/1998	Công nghệ thông tin K39A	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
5	3951050054	Nguyễn Đức Thiện	19/10/1998	Công nghệ thông tin K39A	Công nghệ thông tin	TC
6	3951050059	Nguyễn Văn Nghĩa	14/07/1998	Công nghệ thông tin K39A	Công nghệ thông tin	TC
7	3951050061	Trần Thị Ngọc Trâm	16/10/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
8	3951050070	Võ Văn Việt	13/01/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC
9	3951050072	Ngô Đình Nghĩa	12/05/1998	Công nghệ thông tin K39A	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
10	3951050080	Phạm Ngọc Văn	20/08/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC
11	3951050098	Nguyễn Bá Hào	16/07/1997	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
12	3951050126	Nguyễn Tiến Dũng	04/03/1998	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC, GDTC, CĐR
13	3951050136	Nguyễn Văn Hoàng	30/06/1998	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
14	3951050137	Nay Y Tuyên	04/08/1998	Công nghệ thông tin K39C	Công nghệ thông tin	TC
15	3951050138	Lê Ngọc Quốc	08/09/1998	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC, CĐR
16	3951050148	Phan Hữu Hoàng	11/01/1997	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
17	3951050158	Lê Phi Khánh	31/05/1998	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC
18	3951050169	Đặng Thành Lộc	27/02/1998	Công nghệ thông tin K39B	Công nghệ thông tin	TC, CDR
19	415L050001	Phan Đức Hưng	27/09/1996	Công nghệ thông tin (CD-Đ)	Công nghệ thông tin	TC, CDR

Danh sách có 19 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tin chi; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CDR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

KT. TRƯỞNG KHOA

Phó trưởng khoa



Nguyễn Thanh Bình.

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

(Kèm theo Quyết định số **3579** /QĐ-ĐHQN ngày **22** tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3756100070	Niê Hồ Nhé	13/9/1996	Quản lý Nhà nước-K37B	Quản lý nhà nước	Nghỉ học tạm thời: Điều trị bệnh.
2	3856100134	Nguyễn Thị Quỳnh Như	05/02/1997	Quản lý nhà nước K38B	Quản lý nhà nước	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
3	3856100217	Tổng Văn Vương	06/01/1997	Quản lý nhà nước K38B	Quản lý nhà nước	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
4	3956100043	Dương Duy Mạnh	01/10/1996	Quản lý nhà nước K39A	Quản lý nhà nước	TC, CĐR
5	3956100098	Kpã Y Thuận	01/04/1995	Quản lý nhà nước K39A	Quản lý nhà nước	TC, CĐR
6	3956100139	Adrong Y Bói	23/04/1997	Quản lý nhà nước K39B	Quản lý nhà nước	TC, CĐR
7	3956100167	Phan Bạo Bạc	20/04/1994	Quản lý nhà nước K39B	Quản lý nhà nước	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
8	3956100174	Đinh Văn Khoa	06/08/1997	Quản lý nhà nước K39B	Quản lý nhà nước	TC, CĐR
9	3956100179	Somxay Keoboupaphanh	21/03/1998	Quản lý nhà nước K39B	Quản lý nhà nước	TC, CĐR

Danh sách có 9 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

KT. TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Xuân Vinh

TS. Đinh Anh Tuấn

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với sinh viên hệ chính quy vượt quá thời gian đào tạo)
Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non

(Kèm theo Quyết định số 3579 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tên ngành	Ghi chú
1	3959010037	Hồ Xuân Dũng	20/06/1998	Giáo dục Tiểu học K39	Giáo dục Tiểu học	TC, CĐR
2	3959010047	Nguyễn Thị Phương Hà	26/02/1998	Giáo dục Tiểu học K39	Giáo dục Tiểu học	Nghỉ học tạm thời: Vì hoàn cảnh.
3	3959010058	Y Tuyết	01/02/1998	Giáo dục Tiểu học K39	Giáo dục Tiểu học	TC
4	3959010059	Huỳnh Đình Thanh Tân	05/04/1998	Giáo dục Tiểu học K39	Giáo dục Tiểu học	TC, CĐR
5	3959030042	Võ Lê Kim Tín	21/02/1997	Giáo dục Mầm non K39B	Giáo dục Mầm non	TC, GDTC, CĐR

Danh sách có 5 sinh viên./.

* **Chú thích:** TC: thiếu tín chỉ; GDTC: thiếu chứng chỉ Giáo dục thể chất; GDQP: thiếu chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh; CĐR: thiếu Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

KT. TRƯỞNG KHOA

Nam
Lê Thanh Nam

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Lê Xuân Vinh

TS. Lê Xuân Vinh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nam
TS. Đinh Anh Tuấn